

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẶT LÀ VÀ VỆ SINH CÔNG NGHIỆP BML VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GIẶT LÀ VÀ VỆ SINH CÔNG NGHIỆP BML VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BML VIET NAM INDUSTRIAL HYGIENE AND LAUNDRY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108242205

3. Ngày thành lập: 23/04/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Khu Đồng Sầy, Xã Đan Phượng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
2.	Xây dựng nhà các loại	4100
3.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
4.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
5.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
6.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
7.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
8.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
9.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
10.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác Chi tiết: - Sản xuất gỗ dán, bìa giấy đủ mỏng để sử dụng dán hoặc làm gỗ dán hoặc sử dụng cho các mục đích khác như: + Tấm gỗ được làm nhẵn, nhuộm, phủ, thấm tẩm, tăng cường (có giấy hoặc vải lót sau) + Làm dưới dạng rời - Sản xuất gỗ lạng, ván mỏng và các loại ván, tấm mỏng bằng gỗ tương tự - Sản xuất gỗ mảnh hoặc gỗ thớ - Sản xuất gỗ ván ghép và vật liệu dùng để cách nhiệt bằng thủy tinh - Sản xuất gỗ dán mỏng, gỗ trang trí ván mỏng	1621

11.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
12.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620(Chính)
13.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
14.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
15.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
16.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
17.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh - Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác	4932
18.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
19.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hóa học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh	4669
20.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
21.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
22.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
23.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
24.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
25.	Xây dựng công trình công ích	4220
26.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
27.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
28.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
29.	Bán buôn tổng hợp (trừ các loại Nhà nước cấm)	4690
30.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
31.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
32.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
33.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
34.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
35.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
36.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
37.	Phá dỡ	4311

38.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
39.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
40.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
41.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
42.	Đúc sắt, thép	2431
43.	Đúc kim loại màu	2432
44.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
45.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
46.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
47.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
48.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
49.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
50.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm	4649
51.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng: máy photocopy, máy chiếu, đèn chiếu, máy hủy giấy, máy fax, thiết bị chấm công vân tay... - Máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Máy móc, thiết bị y tế	4659
52.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh: Bán lẻ dụng cụ, thiết bị y tế và chỉnh hình	4772

6. Vốn điều lệ: 4.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THÀNH LAM	Thôn Đông Khê, Xã Đan Phượng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	33,333	111261070	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	33,333		
2	NGUYỄN HỮU BẰNG	Thôn 2, Xã Thượng Mỗ, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	33,333	001077007109	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	33,333		
3	NGUYỄN HUY MỸ	Số 26, ngõ 39 phố Phụng Trì, Thị trấn Phùng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	33,333	012993186	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	33,333		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN HỮU BẰNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *06/01/1977*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001077007109*

Ngày cấp: *21/09/2015*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn 2, Xã Thượng Mỗ, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn 1, Xã Thượng Mỗ, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội